

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2018/DSST**
Ngày: 23-3-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Mạnh Dũng;
Bà Lê Thị Thận;
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2017/TLST – DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST – DS ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Ánh Ng, sinh năm: 1976
Cư trú tại: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1971
Cư trú tại: Thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-10-2013, đơn thay đổi nội dung khởi kiện ngày 18/12/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đặng Thị Ánh Ng trình bày: Do có quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị Ph nên chị đã cho chị Nguyễn Thị Ph vay tiền nhiều lần. Đến năm 2017 do chị Nguyễn Thị Ph không trả tiền theo thời hạn thỏa thuận nên chị khởi kiện chị Nguyễn Thị Ph yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi. Đến ngày 02/6/2017 thì chị Nguyễn Thị Ph và chị thống nhất số tiền vay là 1.630.000.000đ. Các bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị Ph trả số tiền gốc

là 1.400.000.000đ và chị sẽ rút đơn khởi kiện. Sau khi thỏa thuận thì chị Nguyễn Thị Ph đã trả số tiền gốc là 1.400.000.000đ. Số tiền chị Nguyễn Thị Ph còn nợ lại là 230.000.000đ chị Nguyễn Thị Ph hẹn trong thời hạn 08 tuần tính từ ngày 02/6/2017. Do chị Nguyễn Thị Ph năn nỉ nhiều lần nên chị đồng ý cho chị Nguyễn Thị Ph 10.000.000đ tiền gốc, số tiền chị Nguyễn Thị Ph còn phải trả là 220.000.000đ. Việc thỏa thuận trên có lập giấy tờ có tiêu đề là giấy nhận nợ và có người làm chứng chứng kiến. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thỏa thuận mà chị Nguyễn Thị Ph không trả số tiền nói trên nên chị khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Ph trả số tiền gốc là 220.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 03/8/2017 cho đến nay với lãi suất 1,125%/ tháng.

Tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Nguyễn Thị Ph trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật hiện nay, và tiền lãi tính từ ngày 29/7/2017 cho đến nay.

Các tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn Đặng Thị Ánh Ng; Bản tự khai của người làm chứng; Giấy nhận nợ ngày 02/6/2017 (bản gốc)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ph (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ph.

Xét: Chị Đặng Thị Ánh Ng khởi kiện chị Nguyễn Thị Ph yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi. Chị Đặng Thị Ánh Ng cung cấp giấy nhận nợ đề ngày 02/6/2017 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Hiện nay bị đơn chị Nguyễn Thị Ph đang cư trú tại thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Xét giao dịch giữa chị Đặng Thị Ánh Ng và chị Nguyễn Thị Ph được lập ngày 02/6/2017. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Ánh Ng yêu cầu chị Nguyễn Thị Ph trả số tiền vay 220.000.000đ: Tại giấy nhận nợ lập ngày 02/6/2017 do chị Đặng Thị Ánh Ng giao nộp hợp pháp cho Tòa án có ghi nhận nội dung chị Nguyễn Thị Ph còn nợ lại chị Đặng Thị Ánh Ng số tiền là

220.000.000đ, hẹn trong thời hạn 08 tuần tính từ ngày 02/6/2017 sẽ trả đủ. Việc nhận nợ này phù hợp với lời khai của người làm chứng (bút lục số 18) nên có đủ cơ sở xác định việc chị Nguyễn Thị Ph vay tiền của chị Đặng Thị Ánh Ng là thật.

Trong giấy nhận nợ đề ngày 02/6/2017 có ghi nhận: *“Bà Ph sẽ trả số tiền này trong thời hạn 08 tuần tính từ ngày hôm nay”*. Như vậy, thời hạn chị Nguyễn Thị Ph phải trả tiền vay cho chị Đặng Thị Ánh Ng chậm nhất là ngày 28/7/2017. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..”*. Như vậy, bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Ánh Ng về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Ph trả số tiền vay 220.000.000đ là có cơ sở.

[3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày 28-7-2017 cho đến nay: Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên cho vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*. Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Thời hạn chậm nhất để chị Nguyễn Thị Ph trả số tiền vay là ngày 28/7/2017. Như vậy, yêu cầu của chị Đặng Thị Ánh Ng về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Ph trả tiền lãi là có căn cứ. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: $220.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 14.121.052đ$

Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi chị Nguyễn Thị Ph phải trả cho chị Đặng Thị Ánh Ng là $220.000.000đ + 14.121.052đ = 234.121.052đ$.

[4] Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[5] Về án phí: Khoản 2, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Do đó, bị đơn chị Nguyễn Thị Ph phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là $234.121.052đ \times 5\% = 11.706.052đ$

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Ph trả cho nguyên đơn chị Đặng Thị Ánh Ng số tiền vay là 220.000.000đ và tiền lãi 14.121.052đ. Tổng cộng là 234.121.052đ.

2/ Về án phí: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Ph phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.706.052đ

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Đặng Thị Ánh Ng số tiền tạm ứng án phí là 5.944.062đồng theo biên lai thu tiền số 0021598 ngày 01 tháng 11 năm 2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-3-2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND t. Bình Phước ;
- VKSND h. Bù Đăng;
- Chi cục THADS h. Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh

